

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 5 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng nhận hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 5 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 3753-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ sư phạm.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 20/8/2026 đến ngày 29/9/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
1	Bùi Ngọc Minh Anh	01.9.2003	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031303000835	HBT/BDNVSP 000392	NVSP5/2026.01	
2	Võ Thái Vân Anh	28.02.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	079303027300	HBT/BDNVSP 000393	NVSP5/2026.02	
3	Nguyễn Vũ Nguyệt Anh	20.5.2007	Hà Nội	Nữ	Kinh	001307041303	HBT/BDNVSP 000394	NVSP5/2026.03	
4	Nguyễn Ngọc Anh	23.8.2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022303000172	HBT/BDNVSP 000395	NVSP5/2026.04	
5	Lê Thị Trung Anh	19.12.1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	001198013083	HBT/BDNVSP 000396	NVSP5/2026.05	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
6	Trịnh Thục Ánh	15.5.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303011354	HBT/BDNVSP 000397	NVSP5/2026.06	
7	Nguyễn Ngọc Bích	12.3.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	001189017732	HBT/BDNVSP 000398	NVSP5/2026.07	
8	Hoàng Cao Bình	31.3.1998	Hà Nội	Nam	Kinh	001098015909	HBT/BDNVSP 000399	NVSP5/2026.08	
9	Nguyễn Bảo Chân	29.6.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	001301010407	HBT/BDNVSP 000400	NVSP5/2026.09	
10	Phạm Ngọc Đạo	20.02.1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	051087000334	HBT/BDNVSP 000401	NVSP5/2026.10	
11	Nguyễn Chí Dũng	05.10.2002	Hà Nội	Nam	Kinh	001202019807	HBT/BDNVSP 000402	NVSP5/2026.11	
12	Nguyễn Thị Thái Dương	12.11.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304017100	HBT/BDNVSP 000403	NVSP5/2026.12	
13	Nguyễn Hương Giang	17.01.2006	Hà Nội	Nữ	Kinh	001306031566	HBT/BDNVSP 000404	NVSP5/2026.13	
14	Trần Thị Ngọc Hà	02.12.2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036304008746	HBT/BDNVSP 000405	NVSP5/2026.14	
15	Hồ Ngọc Bảo Hân	03.6.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305039292	HBT/BDNVSP 000406	NVSP5/2026.15	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
16	Đặng Thu Hằng	01.3.1990	Hà Nội	Nữ	Kinh	001190014521	HBT/BDNVSP 000407	NVSP5/2026.16	
17	Nguyễn Thị Xuân Hương	13.4.2000	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044300008738	HBT/BDNVSP 000408	NVSP5/2026.17	
18	Nguyễn Thị Thùy Linh	06.10.1992	Ninh Bình	Nữ	Kinh	035192003614	HBT/BDNVSP 000409	NVSP5/2026.18	
19	Nguyễn Thị Mai	14.6.1996	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036196015148	HBT/BDNVSP 000410	NVSP5/2026.19	
20	Nguyễn Quang Minh	02.8.1999	Hà Nội	Nam	Kinh	001099001710	HBT/BDNVSP 000411	NVSP5/2026.20	
21	Triệu Ngọc Minh	03.3.2004	Hà Nội	Nữ	Dao	001304010304	HBT/BDNVSP 000412	NVSP5/2026.21	
22	Nguyễn Thúy My	23.01.1984	Hà Nội	Nữ	Kinh	001184002306	HBT/BDNVSP 000413	NVSP5/2026.22	
23	Nguyễn Thị Thu Nga	15.3.1994	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh	094194010173	HBT/BDNVSP 000414	NVSP5/2026.23	
24	Trần Thị Thanh Nga	12.11.1980	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034180082170	HBT/BDNVSP 000415	NVSP5/2026.24	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
25	Nguyễn Thị Bích Ngọc	29.01.1996	Hà Nội	Nữ	Kinh	001196008634	HBT/BDNVSP 000416	NVSP5/2026.25	
26	Hoàng Hà Nguyên	30.3.2006	Phú Thọ	Nữ	Mường	017306008553	HBT/BDNVSP 000417	NVSP5/2026.26	
27	Phạm Như Nguyệt	18.4.2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031300006480	HBT/BDNVSP 000418	NVSP5/2026.27	
28	Bùi Nguyễn Yến Nhi	19.5.2007	Hung Yên	Nữ	Kinh	034307013744	HBT/BDNVSP 000419	NVSP5/2026.28	
29	Lê Hồng Nhung	20.02.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	001301032142	HBT/BDNVSP 000420	NVSP5/2026.29	
30	Phùng Thị Cẩm Nhung	21.4.1989	An Giang	Nữ	Kinh	089189006850	HBT/BDNVSP 000421	NVSP5/2026.30	
31	Trần Thu Phương	10.9.2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036303002353	HBT/BDNVSP 000422	NVSP5/2026.31	
32	Nguyễn Hữu Sang	01.5.2004	Tây Ninh	Nam	Kinh	080204001604	HBT/BDNVSP 000423	NVSP5/2026.32	
33	Trần Tấn Tài	08.02.1980	Đồng Tháp	Nam	Kinh	082080015342	HBT/BDNVSP 000424	NVSP5/2026.33	
34	Nguyễn Thị Thắm	16.7.1996	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	042196011250	HBT/BDNVSP 000425	NVSP5/2026.34	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
35	Nguyễn Quang Thành	02.10.2005	Quảng Ninh	Nam	Kinh	022205002786	HBT/BDNVSP 000426	NVSP5/2026.35	
36	Nguyễn Đăng Thành	29.10.1997	Hà Nội	Nam	Kinh	001097023437	HBT/BDNVSP 000427	NVSP5/2026.36	
37	Nguyễn Minh Thư	01.6.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	079303038940	HBT/BDNVSP 000428	NVSP5/2026.37	
38	Lê Thế Thuận	23.11.2002	Cà Mau	Nam	Kinh	096202010014	HBT/BDNVSP 000429	NVSP5/2026.38	
39	Nguyễn Thị Thanh Thúy	14.12.1973	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	068173000038	HBT/BDNVSP 000430	NVSP5/2026.39	
40	Phùng Thị Mai Trang	02.3.2007	Hà Nội	Nữ	Kinh	001307008563	HBT/BDNVSP 000431	NVSP5/2026.40	
41	Dương Quốc Trí	02.8.1990	Vĩnh Long	Nam	Kinh	087090013362	HBT/BDNVSP 000432	NVSP5/2026.41	
42	Vũ Ngọc Tuấn	11.02.2003	Ninh Bình	Nam	Kinh	036203014539	HBT/BDNVSP 000433	NVSP5/2026.42	
43	Lò Thanh Tùng	11.4.2003	Sơn La	Nam	Thái	014203007116	HBT/BDNVSP 000434	NVSP5/2026.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
44	Nguyễn Minh Tuyết	01.6.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	079303038941	HBT/BDNVSP 000435	NVSP5/2026.44	
45	Mai Thu Uyên	23.8.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038305022648	HBT/BDNVSP 000436	NVSP5/2026.45	

Tổng số: 45 chứng nhận.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang